

Thứ ba, ngày 3 tháng 12 năm 2019

Vietnam Daily Review

Tiếp tục dò đáy

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 4/12/2019		●	
Tuần 2/12-6/12/2019		●	
Tháng 12/2019		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VN-Index có khởi đầu không thuận lợi khi giảm sâu lúc ban đầu nhưng đã hồi phục nhẹ về cuối phiên sáng. Tuy vậy, đến phiên chiều, chỉ số nhanh chóng để mất động lực tăng điểm trước áp lực quá lớn của VCB, MSN, VNM, GAS, PLX và kết phiên tại ngưỡng 953 điểm. Đồng pha với các TTCK chủ chốt khác trong khu vực, thị trường tiếp tục dò đáy với thanh khoản ở mức trung bình. Điểm trừ trong phiên hôm nay đến từ việc khối ngoại bán ròng trên sàn HSX. Với quyết định của tổng thống Trump về việc tái áp thuế lên thép và nhôm nhập khẩu từ Brazil, Argentina và liền sau đó là đe dọa áp thuế lên đến 100% lên hàng hóa của Pháp, hy vọng về thỏa thuận thương mại giữa Mỹ-Trung dường như ngày càng trở nên xa vời.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 870 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 03/12/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng. HPG vận động tăng giá kéo dài sau khi tạo hỗ trợ khá vững tại 21. Thanh khoản tăng đồng thuận với tín hiệu tăng bởi các chỉ báo kỹ thuật. Nếu thanh khoản tích cực tiếp tục được duy trì, vận động tăng của HPG có thể tạo động lực tăng giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tiếp theo.

Danh mục i-Invest: Theme_Vật liệu Xây dựng_0.1%. 9/19 danh mục Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, trong bối cảnh thị trường chung giảm điểm, danh mục **Vật liệu Xây dựng** - gồm các công ty có năng lực sản xuất tốt và tiềm năng tăng trưởng dài hạn khả quan - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.1%**, con số này của VNINDEX là -0.6%.

Phân tích kỹ thuật: HPG_ Tăng giá (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **PNJ, KDH, ANV, TCB, BID**

Điểm nhấn

- VN-Index **-5.88 điểm**, đóng cửa 953.43. HNX-Index **+0.17 điểm**, đóng cửa 101.07.
- Kéo chỉ số tăng: **HPG (+0.41); BID (+0.36); HVN (+0.12); MWG (+0.10); MBB (+0.10)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-1.61); MSN (-1.54); VNM (-0.96); VPB (-0.54); GAS (-0.45)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,696 tỷ đồng**, **+2.8%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 10.26 điểm. Thị trường có 129 mã tăng, 67 mã tham chiếu và 190 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **232.5 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm MSN (80.77 tỷ), VNM (73.04 tỷ) và VHM (61.04 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **0.20 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

953.43

Giá trị: 2781.99 tỷ

-5.88 (-0.61%)

Khối ngoại (ròng): -232.5 tỷ

HNX-INDEX

101.07

Giá trị: 208.55 tỷ

0.17 (0.17%)

Khối ngoại (ròng): 0.2 tỷ

UPCOM-INDEX

55.53

Giá trị: 157.72 tỷ

0.01 (0.02%)

Khối ngoại(ròng): 5.12 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	56.3	0.52%
Giá vàng	1,464	0.08%
Tỷ giá USD/VND	23,177	0.02%
Tỷ giá EUR/VND	25,899	1.49%
Tỷ giá JPY/VND	21,245	-0.11%
LS liên NH 1 tháng	4.2%	-2.92%
LS TPCP 5 năm	2.4%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	35.2	MSN	-80.8
E1VFN30	14.4	VNM	-73.0
HVN	12.9	VHM	-61.0
VRE	10.3	ROS	-24.7
KDH	8.6	VCB	-13.2

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **9/19 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **tốt hơn VNINDEX**. Đặc biệt, trong bối cảnh thị trường chung giảm điểm, danh mục **Vật liệu Xây dựng** - gồm các công ty có năng lực sản xuất tốt và tiềm năng tăng trưởng dài hạn khả quan - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.1%**, con số này của VNINDEX là -0.6%.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** gồm những mã cổ phiếu có triển vọng khả quan trong dài hạn:

- **9/18 danh mục Mục tiêu** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

- **4/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro** có mức hiệu suất ngày **tốt hơn VNINDEX**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Vật liệu Xây dựng_0.1%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề							
Vật liệu Xây dựng	0.1%	-0.1%	-2.0%	2.5%	4.5%	7.8%	7.4%	18.6%
Xây dựng & Vật liệu XD	0.0%	-2.1%	-6.2%	-2.4%	-4.8%	-6.6%	-7.0%	17.3%
Xây dựng	-0.1%	-3.6%	-9.4%	-10.8%	-14.1%	-14.0%	16.2%	17.9%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.1%	-0.9%	0.8%	0.1%	-3.0%	16.2%	48.7%	14.6%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-0.1%	-3.9%	-8.7%	0.5%	13.9%	24.6%	114.0%	18.9%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.2%	-2.9%	-7.1%	-1.0%	5.6%	11.3%	81.2%	16.0%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.3%	-3.6%	-9.1%	-2.3%	6.7%	9.0%	66.7%	17.0%
FTSE Việt Nam	-0.4%	-1.6%	-5.7%	-0.9%	1.3%	6.2%	82.8%	14.8%
Lãi suất giảm	-0.5%	-1.6%	-5.1%	-4.6%	-4.7%	-0.8%	45.4%	17.8%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.7%	-4.1%	-10.0%	-4.0%	-0.6%	0.9%	62.8%	14.4%
Nước & Năng lượng	-0.7%	-2.5%	-4.7%	-3.5%	-5.8%	8.5%	46.3%	14.1%
Hàng tiêu dùng	-0.8%	-4.2%	-10.4%	-6.3%	-2.5%	0.7%	47.3%	17.3%
Ngân hàng	-0.9%	-4.4%	-8.7%	1.2%	11.8%	9.7%	77.6%	22.1%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-0.9%	-2.4%	-6.5%	-2.9%	-2.8%	2.0%	73.5%	14.4%
Dầu khí	-0.9%	-4.2%	-6.7%	-6.3%	-9.3%	0.5%	16.0%	22.0%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-0.9%	-2.9%	-5.4%	-1.4%	-8.8%	-13.1%	44.9%	21.2%
BDS & Khu công nghiệp	-1.1%	-2.4%	-4.4%	-3.1%	0.7%	5.3%	53.3%	16.9%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-1.2%	-4.9%	-9.6%	-0.5%	2.8%	-0.4%	36.0%	19.8%
Chiến tranh thương mại	-1.4%	-2.5%	-3.7%	-5.8%	-8.3%	0.9%	15.4%	15.5%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 6	-0.3%	-3.7%	-9.5%	-4.0%	3.5%	10.7%	85.2%	21.8%
Danh mục 12	-0.3%	-1.1%	-5.2%	0.6%	6.3%	17.6%	81.8%	18.7%
Danh mục 17	-0.4%	-3.4%	-7.5%	-4.4%	0.1%	24.9%	149.7%	19.0%
Danh mục 16	-1.2%	-4.0%	-8.9%	-2.6%	8.8%	14.1%	57.9%	16.8%
Danh mục 8	-1.5%	-3.8%	-5.5%	-3.2%	3.9%	10.5%	54.6%	17.4%

* Note 9/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.							
Danh mục 25	0.3%	-3.0%	-7.3%	-3.9%	7.5%	31.8%	133.2%	17.9%
Danh mục 23	0.0%	-1.6%	-4.8%	-2.1%	0.0%	27.6%	107.3%	18.7%
Danh mục 22	-0.1%	-1.2%	-6.6%	-0.8%	8.7%	18.3%	60.0%	16.4%
Danh mục 20	-1.1%	-3.8%	-5.3%	-1.8%	6.6%	13.3%	52.6%	16.7%
Danh mục 19	-1.5%	-4.0%	-6.0%	0.2%	8.5%	17.8%	56.3%	15.5%

* Note 4/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX

INDEX								
VNINDEX	-0.6%	-2.4%	-6.7%	-2.4%	-0.5%	2.5%	39.8%	15.6%
VN30INDEX	-0.7%	-3.2%	-7.6%	-2.0%	-0.1%	-3.6%	34.9%	15.9%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH

12/3/2019

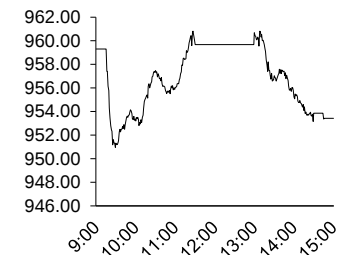
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

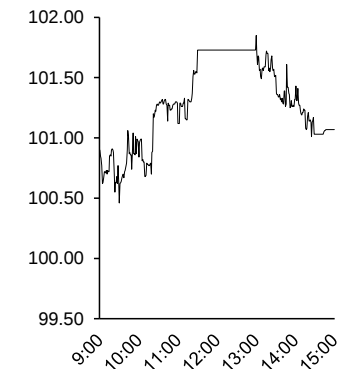
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bảo hiểm	-2.1%
Truyền thông	-2.0%
Thực phẩm và đồ uống	-1.7%
Dầu khí	-1.1%
Ngân hàng	-0.9%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.8%
Dịch vụ tài chính	-0.5%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.4%
Công nghệ Thông tin	-0.2%
Bất động sản	-0.1%
Viễn thông	0.0%
Y tế	0.1%
Xây dựng và Vật liệu	0.1%
Du lịch và Giải trí	0.1%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.3%
Hóa chất	0.6%
Bán lẻ	0.7%
Tài nguyên Cơ bản	1.8%
Ô tô và phụ tùng	2.1%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

HPG_ Tăng giá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD cắt lên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: trung lập, chạm kênh Bollinger trên.

Nhận định: HPG đang nằm trong xu hướng hồi phục sau khi chạm ngưỡng đáy 22. Thanh khoản cổ phiếu tăng trở lại và vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên, báo hiệu động lực tăng khá mạnh. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đang ủng hộ xu hướng tăng giá tích cực. Đường giá cổ phiếu vượt lên dải mây Ichimoku, cho thấy động lực tăng giá trung hạn đã hình thành. Như vậy, HPG có thể kiểm tra lại vùng kháng cự ngắn hạn 26-27 trong các phiên giao dịch tới.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Cập nhật KQKD

Tiến độ dự án Dung Quất: lò cao số 1 sẽ đưa vào hoạt động vào ngày 18/6, các lò cao tiếp theo sẽ lần lượt được đưa vào hoạt động với khoảng cách 4 tháng giữa lò cao. Tổng đầu tư cho dự án Dung Quất tăng mạnh so với dự kiến do đầu tư thêm dự án xử lý môi trường và nâng công suất cảng nước sâu lên gấp đôi. Tổng đầu tư của dự án Dung Quất theo phương án mới là 50,000 tỷ cho tài sản cố định và 15,000 tỷ cho vốn lưu động, tăng 25% so với kế hoạch ban đầu là 40,000 tỷ cho tài sản cố định và 12,000 tỷ đồng cho vốn lưu động. Chi phí khấu hao năm 2019 dự kiến vào khoảng 3,000 tỷ đồng, tăng khoảng 38% so với năm 2018.

Về nguồn vốn huy động cho Dung Quất bao gồm: 25,000 tỷ đồng vốn chủ đã được đầu tư còn lại sẽ là vốn vay. Hiện tại HPG đã vay khoảng 20,000 tỷ đồng từ 2 ngân hàng là Vietinbank và Vietcombank với lãi suất= lãi suất huy động 12 tháng bình quân của các ngân hàng lớn + biên 2.5% (biến động từ 7%-9.5%/năm). Chi phí lãi vay dự kiến năm 2019 là vào khoảng 2,000 tỷ đồng (+270%yoy).

- Tôn mại: dự kiến doanh thu năm 2019 vào khoảng 4,800 tỷ đồng tương đương sản lượng khoảng 200 nghìn tấn, lợi nhuận dự kiến khoảng 178 tỷ.

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: Express HPG 2019Q2

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PNJ_ Tăng giá

[Link](#)

BID_ Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

KDH_ Bứt phá

[Link](#)

ANV_ Hồi phục

[Link](#)

TCB_ Tín hiệu tích cực

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 03/12/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 03/12	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	55.98	0.91%	-3.40%	-0.52%	5.71%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	60.95	0.61%	-4.16%	-1.25%	-1.20%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.58	-0.86%	-6.02%	-5.29%	10.08%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1462.82	-0.16%	0.60%	-3.08%	18.83%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	16.91	-0.71%	0.22%	-6.29%	17.67%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	870.80	-0.51%	-2.45%	-5.94%	-3.86%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	544.01	-0.61%	2.49%	6.72%	5.48%		AFX
Sữa	USD /cwt	20.40	0.20%	0.20%	1.04%	41.08%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	167.10	-0.54%	-2.85%	7.18%	18.51%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.75	-1.47%	-0.55%	1.92%	-1.24%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.13	0.00%	-4.57%	-3.40%	3.30%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	120.20	1.39%	3.14%	17.22%	17.39%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.63	-0.53%	-0.56%	-1.50%	-6.17%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3716.00	-6.63%	-3.00%	6.66%	0.43%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1770.00	1.03%	1.78%	0.57%	-10.33%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	87.00	0.00%	2.96%	4.82%	29.85%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	70.80	-1.67%	-1.46%	1.03%	-30.32%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật**Giá dầu**

- Chốt phiên giao dịch đêm qua, giá dầu thô Brent tăng 43 cent, tương đương 0.7%, lên 60.92 USD/thùng. Giá dầu WTI tăng 79 cent, tương đương 1.4%, lên 55.96 USD.
- Giá dầu tăng hơn 1% do triển vọng OPEC và các đồng minh có thể sẽ tăng cường cắt giảm sản lượng tại cuộc họp trong tuần này. OPEC và các nhà sản xuất đồng minh bao gồm Nga dự kiến sẽ mở rộng kế hoạch cắt giảm sản lượng trong tuần này và có thể cắt giảm thêm ít nhất 400,000 thùng/ngày. Các bộ trưởng của OPEC sẽ họp tại Vienna vào thứ Năm và nhóm OPEC + sẽ họp vào thứ Sáu. Hoạt động sản xuất tăng ở Trung Quốc cũng cho thấy nhu cầu mạnh hơn.
- Cuối phiên, giá dầu đã giảm chút ít so với đầu phiên do chứng khoán Phố Wall sụt giảm sau khi dữ liệu cho thấy hoạt động của nhà máy Mỹ giảm vào tháng 11 và sau khi Tổng thống Mỹ Donald Trump bất ngờ công bố kế hoạch áp dụng thuế đối với thép và nhôm từ Argentina và Brazil.

Giá vàng

- Chốt phiên, giá vàng giao ngay trên sàn LBMA giữ vững ở mức 1,463.96 USD/ounce. Giá vàng kỳ hạn tháng 12/2019 trên sàn New York giảm 0.2% còn 1,469.20 USD/ounce sau khi rơi xuống mức 1,453.60 USD/ounce vào phiên sáng do đồng USD mạnh hơn và dữ liệu sản xuất tốt hơn mong đợi từ Trung Quốc hỗ trợ thị trường chứng khoán. Tuy nhiên, các chỉ số chứng khoán của Mỹ giảm và USD trượt xuống khi dữ liệu cho thấy đầu tư tư nhân sụt giảm bất ngờ xuống mức thấp 3 năm.

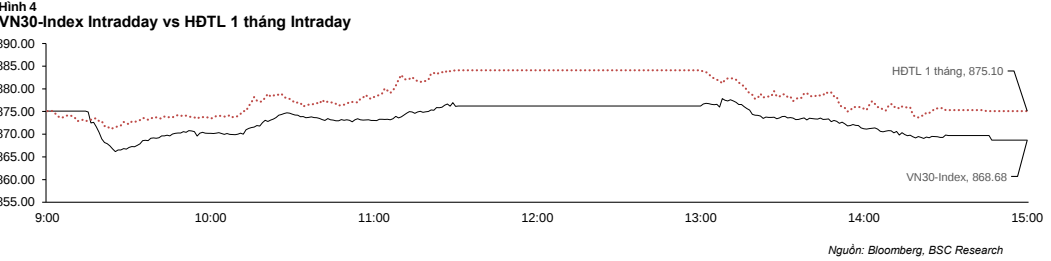
Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn Đại Liên tăng 1.2% lên 653 CNY/tấn. Trên sàn Thượng Hải, giá thép cây kỳ hạn tháng 1/2020 tăng 0.4% lên 3,634 CNY/tấn. Giá thép cuộn cán nóng tăng 1.6% lên mức 3,609 CNY/ tấn. Giá thép kỳ hạn tại Trung Quốc đã tăng phiên thứ 3 liên tiếp do hoạt động của các nhà máy tăng mạnh hơn dự kiến trong tháng 11. Chỉ số quản lý mua hàng chính thức của Trung Quốc (PMI) trong ngành chế tạo cải thiện bất ngờ do nhu cầu tăng lên nhờ các biện pháp kích thích của Bắc Kinh. Tổng số đơn đặt hàng mới và sản xuất chế tạo vẫn ở mức cao trong tháng trước, tăng với tốc độ nhanh nhất trong gần 3 năm.

Giá cao su

- Tại Tocom, giá cao su kỳ hạn tháng 5/2020 giảm 0.2 JPY (0.0018 USD) xuống 188.3 JPY/kg. Tại Thượng Hải, giá cao su kỳ hạn tháng 1/2020 giảm 95 CNY (13.5 USD) xuống 12,475 CNY/tấn. Giá cao su tại Tokyo giảm theo xu hướng giá cao su kỳ hạn tại Thượng Hải suy giảm.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1912	875.10	-0.33%	6.42	57.5%	131387	12/19/2019	18
VN30F2001	877.30	-0.31%	8.62	21.8%	374	1/16/2020	46
VN30F2003	880.10	-0.47%	11.42	65.3%	81	3/19/2020	109
VN30F2006	883.30	-0.42%	14.62	-34.3%	69	6/18/2020	200

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tiếp tục giảm mạnh -6.42 điểm xuống mức 868.68 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như MSN, VPB, VNM, VCB, và STB tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. Trong phiên sáng, VN30 phục hồi tích cực lên trên ngưỡng tham chiếu, sau khi giảm mạnh xuống gần 865 điểm lúc đầu phiên. Sang phiên chiều, VN30 lại quay đầu giảm, xuống dưới ngưỡng 870 điểm. Thanh khoản giữ tại mức cao, VN30 có thể tiếp tục giảm điểm xuống ngưỡng 860 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F1912, các hợp đồng khác đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F2006, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm trong dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán với giá mục tiêu quanh ngưỡng 870 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CVNM1904	HSC	4/8/2020	127	10:1	191,550	-14.6%	5.0 triệu	18.26%	1,900	1,300	35.42%	94.00	13.83
CMBB1903	SSI	4/22/2020	141	1:1	47,500	-17.6%	3.0 triệu	16.71%	4,000	3,500	31.09%	868.70	4.03
CHPG1905	SSI	12/30/2019	27	1:1	651,050	610.7%	1.0 triệu	24.32%	3,300	1,150	22.34%	852.50	1.35
CREE1904	VND	1/9/2020	37	2:1	87,190	7.9%	3.0 triệu	22.97%	3,400	1,480	7.25%	1,103.30	1.34
CVIC1902	SSI	4/22/2020	141	1:1	10,700	-5.3%	1.0 triệu	17.06%	22,700	16,710	6.77%	5,935.50	2.82
CMWG1904	SSI	12/30/2019	27	1:1	44,470	-11.3%	1.0 triệu	21.65%	14,000	20,000	4.88%	19,516.30	1.02
CHPG1907	SSI	4/22/2020	141	1:1	150,130	212.3%	1.0 triệu	24.32%	4,200	4,420	4.25%	3,195.80	1.38
CMWG1907	HSC	4/8/2020	127	10:1	395,990	-31.4%	5.0 triệu	21.65%	1,900	870	3.57%	140.80	6.18
CMWG1903	HSC	12/30/2019	27	5:1	38,890	-8.9%	2.0 triệu	21.65%	2,700	3,100	2.65%	2,898.30	1.07
CMBB1902	HSC	12/17/2019	14	1:1	137,000	5.8%	1.0 triệu	16.71%	3,200	1,840	2.22%	189.90	9.69
CFPT1906	HSC	4/8/2020	127	5:1	159,700	44.1%	5.0 triệu	20.89%	1,700	1,250	1.63%	400.90	3.12
CMBB1906	VND	1/9/2020	37	2:1	147,610	6.3%	3.0 triệu	16.71%	2,100	1,300	0.78%	839.40	1.55
CVJC1902	SSI	4/22/2020	141	1:1	11,600	-28.4%	1.0 triệu	14.33%	27,900	28,950	-0.07%	18,150.10	1.60
CMWG1902	VND	12/11/2019	8	4:1	68,420	24.0%	2.4 triệu	21.65%	2,990	4,540	-0.66%	4,823.40	0.94
CVHM1902	SSI	4/22/2020	141	1:1	17,280	11.8%	1.0 triệu	23.20%	18,600	16,600	-1.19%	10,268.20	1.62
CMBB1905	HSC	4/8/2020	127	2:1	218,920	166.8%	5.0 triệu	16.71%	1,700	1,050	-4.55%	217.50	4.83
CFPT1907	VND	1/9/2020	37	2:1	99,610	-8.5%	2.0 triệu	20.89%	4,200	1,860	-5.58%	1,234.30	1.51
CVNM1903	SSI	4/22/2020	141	1:1	17,500	-34.2%	1.0 triệu	18.26%	26,600	16,080	-6.73%	4,620.50	3.48
CFPT1903	SSI	12/30/2019	27	1:1	64,620	-36.4%	2.0 triệu	20.89%	6,000	9,820	-11.77%	9,523.60	1.03
CHPG1902	KIS	12/11/2019	8	5:1	2,781,130	4.3%	6.0 triệu	24.32%	1,000	20	-33.33%	-	
CMBB1904	SSI	1/22/2020	50	1:1	65,890	186.6%	2.0 triệu	16.71%	2,900	1,970	-33.89%	395.70	4.98
Tổng:					5,406,750		41.40 triệu	19.99%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 03/12/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng.
- Về giá, CMBB1904 và CHPG1902 giảm mạnh nhất lần lượt là -33.89% và -33.33%. Trái lại, CVNM1904 và CMBB1903 tăng mạnh nhất lần lượt là 35.42% và 31.09%. Thanh khoản thị trường tăng 13.74%. CHPG1902 tiếp tục có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 43.84% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là HPG và VJC, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CMWG1904 và CVJC1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CFPT1903 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. HPG vận động tăng giá kéo dài sau khi tạo hỗ trợ khá vững tại 21. Thanh khoản tăng đồng thuận với tín hiệu tăng bởi các chỉ báo kỹ thuật. Nếu thanh khoản tích cực tiếp tục được duy trì, vận động tăng của HPG có thể tạo động lực tăng giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tiếp theo.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
HPG	23.45	2.18	1.15
EIB	16.90	1.50	0.36
MWG	109.20	0.74	0.32
MBB	21.55	0.70	0.28
PNJ	81.00	1.25	0.25

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MSN	64.2	-6.96	-3.10
VPB	18.7	-4.10	-1.86
VNM	116.4	-1.61	-1.32
STB	9.8	-2.50	-0.62
VCB	82.0	-1.80	-0.62

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CVNM1904	152,000	133,000	116,400
CMBB1903	26,000	22,000	21,550
CHPG1905	93,300	23,100	23,450
CREE1904	40,800	34,000	35,700
CVIC1902	137,700	115,000	115,000
CMWG1904	165,000	90,000	109,200
CHPG1907	25,200	21,000	23,450
CMWG1907	144,000	125,000	109,200
CMWG1903	25,800	95,000	109,200
CMBB1902	23,700	21,800	21,550
CFPT1906	65,500	57,000	54,500
CMBB1906	24,200	20,000	21,550
CVJC1902	157,900	130,000	145,400
CMWG1902	92,990	90,000	109,200
CVHM1902	103,600	85,000	91,800
CMBB1905	26,400	23,000	21,550
CFPT1907	61,400	53,000	54,500
CVNM1903	146,600	120,000	116,400
CFPT1903	51,140	45,140	54,500
CHPG1902	166,285	41,999	23,450
CMBB1904	24,900	22,000	21,550

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	109.2	0.7%	0.7	2,102	2.8	8,321	13.1	4.3	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	81.0	1.3%	0.9	784	1.5	4,839	16.7	4.4	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	66.7	-2.6%	1.3	2,033	0.6	1,889	35.3	3.0	25.3%	8.7%
PVI	Bảo hiểm	31.4	0.0%	0.7	316	0.1	2,801	11.2	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	115.0	0.0%	1.0	16,730	1.5	1,589	72.4	4.9	15.0%	7.8%
VRE	Bất động sản	34.0	0.0%	1.1	3,443	6.8	1,033	32.9	2.8	32.7%	8.8%
NVL	Bất động sản	56.2	0.2%	0.8	2,274	0.7	3,187	17.6	2.5	7.2%	15.5%
REE	Bất động sản	35.7	-0.3%	1.0	481	1.2	5,614	6.4	1.1	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	13.8	-1.4%	1.5	315	0.9	3,215	4.3	0.8	45.5%	25.9%
SSI	Chứng khoán	19.3	-1.0%	1.4	426	1.0	1,769	10.9	1.0	55.6%	9.4%
VCI	Chứng khoán	33.2	-0.6%	1.0	237	0.0	5,067	6.6	1.5	37.6%	24.7%
HCM	Chứng khoán	23.2	0.0%	1.5	308	0.7	1,287	18.0	1.6	57.4%	10.2%
FPT	Công nghệ	54.5	-0.2%	0.8	1,607	3.8	4,688	11.6	2.7	49.0%	24.9%
FOX	Công nghệ	45.0	0.0%	0.4	487	0.0	4,156	10.8	2.7	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	97.2	-0.8%	1.6	8,089	1.3	5,886	16.5	4.1	3.7%	26.1%
PLX	Dầu khí	55.9	-1.4%	1.5	2,894	0.6	3,467	16.1	3.0	13.4%	19.5%
PVS	Dầu khí	16.9	1.2%	1.7	351	1.4	2,062	8.2	0.7	21.9%	8.5%
BSR	Dầu khí	9.0	-1.1%	0.8	1,213	0.6	1,163	7.7	0.9	41.1%	11.0%
DHG	Dược	94.0	0.0%	0.5	534	0.1	4,535	20.7	3.9	54.4%	19.4%
DPM	Hóa chất	12.8	0.0%	0.8	218	0.2	650	19.7	0.6	19.0%	3.7%
DCM	Hóa chất	6.8	0.0%	0.6	157	0.1	625	10.9	0.6	2.5%	5.5%
VCB	Ngân hàng	82.0	-1.8%	1.3	13,223	2.3	5,274	15.5	3.7	23.8%	27.1%
BID	Ngân hàng	39.7	0.8%	1.6	6,942	1.4	2,109	18.8	2.4	21.1%	13.5%
CTG	Ngân hàng	19.6	-1.0%	1.6	3,173	3.2	1,641	11.9	1.0	29.3%	8.5%
VPB	Ngân hàng	18.7	-4.1%	1.2	1,957	1.2	3,341	5.6	1.1	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	21.6	0.7%	1.1	2,179	3.0	3,261	6.6	1.3	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	22.6	0.0%	1.1	1,628	1.5	3,585	6.3	1.4	30.0%	25.9%
BMP	Nhựa	50.9	-1.9%	0.8	181	0.2	5,073	10.0	1.6	80.5%	16.5%
NTP	Nhựa	31.9	1.3%	0.2	136	0.0	4,603	6.9	1.2	20.6%	17.8%
MSR	Tài nguyên	14.5	0.0%	1.3	624	0.0	732	19.8	1.1	2.0%	5.6%
HPG	Thép	23.5	2.2%	1.0	2,815	9.5	2,526	9.3	1.4	37.8%	17.4%
HSG	Thép	8.0	2.0%	1.6	147	2.2	890	9.0	0.6	17.3%	6.8%
VNM	Tiêu dùng	116.4	-1.6%	0.7	8,813	7.2	5,527	21.1	7.4	58.6%	36.5%
SAB	Tiêu dùng	229.1	0.0%	0.8	6,388	0.2	7,365	31.1	8.2	63.4%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	64.2	-7.0%	1.2	3,263	6.5	4,512	14.2	2.2	39.9%	20.5%
SBT	Tiêu dùng	18.5	-0.3%	0.6	472	1.0	440	42.1	1.5	6.1%	3.5%
ACV	Vận tải	73.8	-0.5%	0.8	6,985	0.2	2,630	28.1	5.2	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	145.4	-0.5%	1.1	3,312	3.1	9,850	14.8	5.6	19.7%	43.3%
HVN	Vận tải	35.4	0.9%	1.7	2,183	0.8	1,747	20.3	2.8	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	23.4	-0.6%	0.8	301	0.2	1,949	12.0	1.1	49.0%	9.7%
PVT	Vận tải	16.7	-2.6%	0.6	204	0.6	2,571	6.5	1.1	32.0%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	76.4	0.8%	0.9	531	0.7	8,338	9.2	3.9	2.1%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.4	-0.3%	0.7	358	0.2	1,398	13.1	1.3	13.3%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.0	2.7%	0.8	248	0.2	1,912	7.8	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	62.5	-0.8%	0.7	207	0.3	9,842	6.4	0.6	47.8%	9.3%
VCG	Xây dựng	27.1	0.0%	1.0	520	0.3	1,557	17.4	1.8	0.5%	10.4%
CII	Xây dựng	22.7	-1.3%	0.4	245	0.4	1,845	12.3	1.0	51.1%	8.8%
POW	Điện	12.4	-1.6%	0.6	1,263	1.1	820	15.1	1.2	13.9%	7.8%
NT2	Điện	22.6	0.2%	0.6	282	0.5	2,721	8.3	1.5	18.7%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HPG	23.45	2.18	0.41	9.33MLN
BID	39.70	0.76	0.30	786830.00
HVN	35.40	0.85	0.13	520910.00
MWG	109.20	0.74	0.10	593720.00
MBB	21.55	0.70	0.10	3.27MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SHB	6.00	1.69	0.11	2.04MLN
MBG	32.60	9.76	0.06	316000.00
PVS	16.90	1.20	0.05	1.85MLN
NET	38.60	9.97	0.05	25900.00
DGC	26.90	1.51	0.03	77700.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MSN	64.20	-6.96	-1.65	2.27MLN
VCB	82.00	-1.80	-1.64	635370.00
VNM	116.40	-1.61	-0.97	1.42MLN
VPB	18.70	-4.10	-0.58	1.41MLN
GAS	97.20	-0.82	-0.45	299980.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	9.00	-1.10	-0.04	2.05MLN
L14	60.80	-3.65	-0.03	70800.00
SHS	7.60	-2.56	-0.03	283400.00
S99	7.00	-7.89	-0.03	1700.00
SHN	8.70	-2.25	-0.02	2200.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SMA	13.90	6.92	0.01	157150.00
CMX	17.05	6.90	0.00	92090.00
TIX	31.00	6.90	0.02	10.00
ST8	17.95	6.85	0.01	10.00
FIT	5.64	6.82	0.03	2.44MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PVG	7.70	10.0	0.01	124500.00
NET	38.60	10.0	0.05	25900.00
SGH	48.90	9.9	0.01	100.00
GMX	24.70	9.8	0.01	200.00
MBG	32.60	9.8	0.06	316000.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HCD	3.21	-6.96	0.00	2.12MLN
MSN	64.20	-6.96	-1.65	2.27MLN
SGT	5.09	-6.95	-0.01	1270.00
YBM	4.56	-6.94	0.00	460.00
RDP	7.54	-6.91	-0.01	50.00

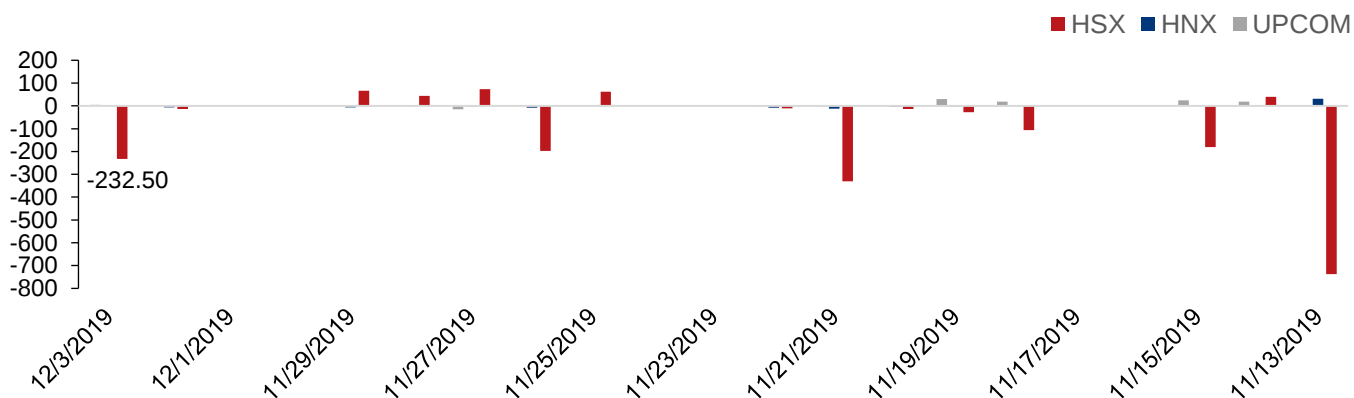
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HKB	0.50	-16.67	-0.01	31300.00
SFN	32.70	-11.62	-0.01	400.00
BII	0.90	-10.00	0.00	425800.00
DST	0.90	-10.00	0.00	119800.00
ITQ	1.80	-10.00	-0.01	35700.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
3	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
5	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
10	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi	Phân tích vĩ mô		Click
11	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
12	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
13	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
14	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
15	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
16	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
18	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
19	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	VTP	Vận tải	Mua	25/11/2019	125.1	162.5	120.0	6,216	19.3	7.3	Click
2	VCB	Ngân hàng	Mua	25/11/2020	84.5	121.0	82.0	5,274	15.5	3.7	Click
3	HDG	Bất động sản	Mua	13/11/2019	34.8	42.3	31.6	9,530	3.3	1.7	Click
4	FPT	CNTT	Mua	13/11/2019	60.5	75.3	54.5	4,688	11.6	2.7	Click
5	DGW	Bán lẻ	Mua	31/10/2019	25.5	30.8	23.3	3,491	6.7	1.1	Click
6	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	17.7	2,246	7.9	0.8	Click
7	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	38.8	3,678	10.5	0.7	Click
8	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	64.2	4,512	14.2	2.2	Click
9	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	116.4	5,527	21.1	7.4	Click
10	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	21.8	2,887	7.5	1.5	Click
11	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	35.7	5,614	6.4	1.1	Click
12	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	79.0	14,958	5.3	1.5	Click
13	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	8.0	2,279	3.5	0.5	Click
14	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	22.6	3,585	6.3	1.4	Click
15	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	13.0	1,079	12.0	1.1	Click
16	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	82.0	5,274	15.5	3.7	Click
17	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	22.8	1,723	13.2	1.7	Click
18	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	21.6	3,261	6.6	1.3	Click
19	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	57.7	2,801	20.6	3.4	Click
20	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	23.4	1,949	12.0	1.1	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express DHG 2019Q4	13/11/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 94000 Trong 10% của quý khen thưởng phúc lợi, thay vì trích trong DHCD thì mình chỉ phân phối 3% và ghi nhận chi phí là 7%, => tính cùng kỳ, lợi nhuận thực hiện bằng nhau: Q3.18 : 151 tỷ, Q3.19 153 tỷ . Thuế Q3 góp cao hơn do từ 2019 – 2027, ko được ưu đãi 0% mà là 5% -> ảnh hưởng thuế là 14 tỷ. Lũy kế DTT -2%, LNTT -6% nếu adjust thì DT +9%. Các khoản chi phí 2 – 3 năm ko tăng, nguyên liệu tăng chút đỉnh. Biên LNG giảm từ 46% còn 42% do (1) thay đổi cấu trúc ngành hàng: tăng tỷ trọng hàng khác (2) trong COGS hàng sản xuất -1%: ghi nhận chi phí từ thay đổi cách hạch toán welfare fund và 10 tỷ tăng thêm do NVL tăng. Chi phí NVL trong Q4.2019 sẽ không tăng do đã mua đủ hàng cho nhu cầu.
Express FPT 2019Q4	14/10/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 73500 ; Giá tại Publish 56500 Về Chuyển đổi số ở FPT (1) Trong nội bộ FPT: gồm 3 mục tiêu chính (a) new model (b) tăng trải nghiệm khách hàng và © tối ưu hóa chi phí. Trong đó, F-Soft tập trung vào (a), F-Tel tập trung vào (b). Tiến độ: Đa hoàn thành kế hoạch cụ thể. Trong Q4.2019, thực hiện và triển khai. Đầu năm se đưa ra kết quả nhưng điều làm được và kết quả. (2) Trong hợp tác với khách hàng: tập trung vào các dự án Chuyển đổi số. Khách hàng nước ngoài: biên LNTT của dự án CDS khoảng 19-20% (so với 16 – 17% LNTT dự án truyền thống). Khách hàng trong nước: mới làm việc với một số doanh nghiệp và đa co nhưng dự án và kế hoạch sơ bộ CDS chủ yếu đều từ các khách hàng cũ-, chủ yếu ở các lĩnh vực: automatics, logistics, utility.
Express VTP 2019Q4	13/11/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 142700 ; Giá tại Publish 129000 Đối với kế hoạch 2019 – 2024: (1) KH ban đầu: Đối với giai đoạn 2019 – 2024, công ty đặt KH DT và LNTT tăng trưởng trung bình là 31.5% và 25.9%. (2) KH mới: Tập đoàn Viettel đang áp mức KH cao hơn. Về thông tin ngành Tăng trưởng trung bình của thị trường chuyển phát là 30 – 40%, không công ty (size to) đạt ngưỡng 50 – 60%. Số lượng đơn hàng vận chuyển (1) Quá khứ: 280k đơn/ngày, (2) Current: 350k đơn/ngày (3) Dự kiến hết 2019: 380k đơn/ngày. Hệ thống mạng lưới tổng cộng là 2,329 cửa hàng (1,500 bưu cục và 829 cửa hàng Viettel Store) cùng với 6,000 điểm giao nhận. Dự kiến sẽ nhận thêm 150 – 200 cửa hàng. Việc biên LNG giảm do tình hình thời tiết mưa bão khiến cho cả giao thông của miền Trung bị tê liệt, khiến cho (1) giao hàng ở đường trục bị trễ và (2) giao hàng từ bưu cục cho khách hàng bị trễ. Công ty không giảm giá cước trong thời gian vừa qua.
Express VNM 2019Q4	11/11/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 142700 ; Giá tại Publish 129500 BSC dự báo KQKD của VNM với DTT và LNST của công ty mệ lần lượt là 56,099.9 tỷ đồng (+6.6% YoY) và 10,941 tỷ đồng (+7% YoY) với EPS fw là 5,677 đồng/cp , tương đương PE fw là 23x và PB fw là 6.6x. Chúng tôi giả định tăng trưởng của thị trường nội địa đạt 47,432 tỷ đồng (+6% YoY) và doanh thu quốc tế đạt 8,596 tỷ đồng (+10% YoY) với biên lợi nhuận gộp là 47.3% cao hơn so với cùng kì là 46.8% nhờ việc tăng giá bán tất cả các mặt hàng để bù đắp cho chi phí nguyên vật liệu tăng. Lũy kế 9M19, VNM đạt doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt là 42,079 tỷ đồng (+6.4% YoY) và 8,377.9 tỷ đồng (+5.7% YoY).
Express SAB 2019Q4	17/11/2019	KKhuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 280000 ; Giá tại Publish 260000 BSC dự báo DTT và LNST của SAB đạt lần lượt 39,022 tỷ đồng (+8.3% YoY) và 5,411 tỷ đồng (+22.7% YoY) với EPS là 7,568 đồng/cp, tương ứng với PE fw là 34.4x và PB fw là 7.1x; chúng tôi giả định doanh thu bia tăng trưởng 10% đạt 33,869 tỷ đồng với những nỗ lực tái quảng bá thương hiệu Sabeco và cắt giảm các chi phí giúp biên gộp SAB tăng lên 24.2% cao hơn cùng kỳ là 22.5%. Lũy kế 9 tháng đầu năm, DTT và LNST của SAB đều cải thiện lần lượt đạt 28,170 tỷ đồng (+10% YoY) và 4,279 tỷ đồng (+23% YoY). Trong đó, doanh thu mảng bia tăng trưởng tốt nhất với doanh thu đạt 24,302 tỷ đồng (+11.3% YoY) nhờ vào kế hoạch tái quảng bá lại các thương hiệu mạnh của Sabeco như 333, Saigon Specials, Saigon Lager và Saigon Export với các thiết kế mẫu mã hiện đại và tinh thần Việt Nam đã giúp SAB tăng về thị phần so với các đối thủ khác.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn